

Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

Vạn Ninh, ngày 14 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2018, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T - sinh năm: 1964; Hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Đ, xã Vạn H, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã Ninh S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Th – sinh năm 1953; Trú tại: Tổ dân phố số 01, phường Ninh H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (Giấy ủy quyền lập ngày 21/5/2018);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V - sinh năm: 1970; Trú tại: Thôn Xuân Đ, xã Vạn H, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Như H – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Vũ Như H và cộng sự.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Th và bà Nguyễn Thị V đều thống nhất xác định diện tích đất thực tế là tài sản chung của ông T và bà V theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện V thì diện tích thực tế hiện nay còn lại là 477,5m² chứ không phải là 505m² như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông T, bà V. Ông Th, bà V đều yêu cầu Tòa án sử dụng diện tích đất 477,5m² để chia tài sản chung giữa ông T, bà V.

Ông Th và bà V thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung của ông T, bà V cụ thể như sau:

- Giao cho ông Lê Văn T được quản lý, sử dụng 1 phần thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 32 (bản đồ địa chính xã Vạn H) nay là 1 phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 71 (Bản đồ địa chính xã Vạn H) có diện tích $200,7\text{m}^2$ (trong đó có 100m^2 đất thổ cư, $11,6\text{m}^2$ đất quy hoạch giao thông), có đông tây tứ cận như sau:

- + Phía đông giáp đường bê tông có kích thước cạnh là 8m
- + Phía bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 32 (bản đồ địa chính xã Vạn H) nay là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 71 (Bản đồ địa chính xã Vạn H) có kích thước cạnh là 24,90m.

- + Phía tây giáp đất ông Nguyễn Kế B có kích thước cạnh là 8m.

- + Phía nam giáp đất ông Đoàn Văn Q có kích thước cạnh là 25,30m.

- Giao cho bà Nguyễn Thị V được quản lý sử dụng phần đất còn lại của thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 32 (bản đồ địa chính xã Vạn H) nay là 1 phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 71 (Bản đồ địa chính xã Vạn H) có diện tích $272,6\text{m}^2$ (trong đó có 100m^2 đất thổ cư, $55,7\text{m}^2$ đất quy hoạch giao thông), có đông tây tứ cận như sau:

- + Phía đông giáp đường bê tông, có kích thước cạnh là 10,75m.

- + Phía bắc giáp đường đất, có kích thước cạnh là 24,21m.

- + Phía tây giáp đất ông Nguyễn Kế B có kích thước cạnh là 11,46m.

- + Phía nam giáp phần đất giao cho ông Lê Văn T, có kích thước cạnh là 24,90 mét.

Và các tài sản có trên đất như sau:

- + 01 (một) căn nhà cấp 4, tường xây gạch, mái lợp tôn, cửa gỗ, nền lát gạch men, khu vệ sinh khép kín, mặt tiền có kết cấu bê tông cốt thép. Diện tích: $16,5\text{m} \times 4,5\text{m} = 74,25\text{m}^2$.

- + Mái che 1: Mái lợp tôn, cột kèo bằng thép tiêu chuẩn, nền láng xi măng, có diện tích: $5,6\text{m} \times 8,3\text{m} = 46,48\text{m}^2$.

- + Mái che 2: Mái lợp tôn, cột kèo bằng gỗ tiêu chuẩn, nền láng xi măng, có diện tích: $16,5\text{m} \times 2,3\text{m} = 37,95\text{m}^2$.

- + Mái che 3: Mái lợp tôn, cột kèo bằng thép tiêu chuẩn, nền láng xi măng, có diện tích: $12\text{m} \times 1,5\text{m} = 18\text{m}^2$.

- + Hàng rào lưới B40, trụ bê tông cốt thép, có móng đá cao 1,6m, dài 30m.

- + Cổng thép hình có diện tích $2,5\text{m} \times 1,7\text{m} = 4,25\text{m}^2$

- + Về cây: 05 (năm) cây dừa xiêm dưới 1 năm, 01 (một) cây dừa xiêm từ 3-5 năm, 05 (năm) cây măng cầu ta dưới 1 năm, 01 (một) cây măng cầu tây dưới 1 năm, 03 (ba) cây trứng cá, 02 (hai) cây xoài từ 1 - 3 năm, 02 cây mai, 07 (bảy) cây huỳnh đàn, 01 (một) bụi cây bông trang, 12 (mười hai) bụi chuối, 01 (một) cây me từ 3-5 năm, 11 (mười một) bụi sả, 12 (mười hai) bụi mía, 03 mét cây hàng rào tạo cảnh quan.

Theo biên bản định giá ngày 30/11/2018 thì tổng giá trị nhà đất, các công trình vật kiến trúc trên đất là 587.066.430đ (năm trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng). Trong đó phần giá trị giao cho ông T là 207.000.000đ (hai trăm không bảy triệu đồng), phần giá trị giao cho bà V là 380.066.430đ (ba trăm tám mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng). Ông T và bà V thống nhất thỏa thuận bà V không phải bồi hoàn cho ông T một khoản tiền chênh lệch nào liên quan đến tài sản chung giữa ông T và bà V.

Về chi phí xem xét,thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông T tự nguyện chịu tòa bộ và không yêu cầu bà V phải bồi hoàn.

3. Về án phí:

- Ông Lê Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 5.175.000đ (năm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 1.875.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014292 ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Ông T còn phải nộp thêm số tiền là 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 9.501.660đ (chín triệu năm trăm không một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT; AV .

THẨM PHÁN

Võ Thị Hòa Thanh